

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/DS-ST  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021  
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Nik Êban, bà Nguyễn Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 106/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị V. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L. Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn H. Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Vũ Văn S. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2021, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2017 và năm 2018, bà Trần Thị L có vay của bà Trần Thị V một số tiền, cụ thể vay các lần như sau:

- Vào ngày 14/5/2017 (âm lịch) vay của bà V 75.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 tháng sau khi vay (tức

ngày 14/6/2017 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

- Vào ngày 14/5/2017 (âm lịch) vay của bà V 100.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 năm sau khi vay (tức ngày 14/5/2018 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

- Vào ngày 02/4/2018 (âm lịch) vay của bà V 500.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 tháng sau khi vay (tức ngày 02/5/2018 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

- Vào ngày 02/4/2018 (âm lịch) vay của bà V 210.000.000 đồng, hai bên thoả thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 tháng sau khi vay (tức ngày 02/5/2018 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

Việc vay mượn những số tiền trên là giữa bà V và bà L, ông Vũ Văn H (chồng bà L) không ký vào các giấy vay tiền mà do bà L ký thay ông H.

Do quá hạn trả nợ đã lâu, bà L không trả được không trả được số nợ trên bà V. Mặc dù, ông H không ký vào giấy vay tiền nhưng việc vay mượn tiền giữa bà V và bà L, bà L có thông qua ông H và ký thay ông H nên bà V yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị L và ông Vũ Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị V số tiền là 1.196.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 885.000.000 đồng và số tiền lãi là 311.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền gốc vay ngày 14/5/2017 (âm lịch) là 75.000.000 đồng, hiện nay số tiền này đã hết thời hiệu về tính lãi nên bà V chỉ yêu cầu bà L, ông H phải trả cho bà V số tiền gốc là 75.000.000 đồng, không yêu cầu bà L, ông H phải trả lãi.

- Đối với số tiền gốc vay ngày 14/5/2017 (âm lịch) tức ngày 08/6/2017 (DL) là 100.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/12/2021 là:  $(100.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/tháng \times 1662 \text{ ngày})/30 = 55.400.000 \text{ đồng}$ .

- Đối với 02 khoản vay ngày 02/4/2018 (âm lịch) tức ngày 16/5/2018 (DL) là 710.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2021 là:  $(710.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 1314 \text{ ngày})/365 = 255.600.000 \text{ đồng}$ .

\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị L vắng mặt tại nơi cư trú, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H có mặt tại nơi cư trú nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết

văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông H, bà L vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông H và bà L là đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V. Buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho bà Trần Thị V số vay gốc là 885.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

\* Về tố tụng:

[1] Bà Trần Thị V khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L và ông Vũ Văn H phải trả số nợ là 1.196.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H có mặt tại nơi cư trú nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng, bị đơn bà Trần Thị L vắng mặt tại nơi cư trú: Thôn 6C, xã EaPăl, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, không thông báo cho bà V và chính quyền địa phương biết địa chỉ hiện nay đang cư trú. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông H và bà L theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H và bà L không đến Tòa án làm việc và tại phiên tòa hôm nay ông H và bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

\* Về nội dung:

[3] Vào ngày 14/5/2017 (âm lịch) và ngày 02/4/2018 (âm lịch) bà Trần Thị L có vay của bà Trần Thị V số tiền 885.000.000 đồng. Khi nhận nợ hai bên có

thoả thuận lãi suất là 2%/tháng và hạn ngày trả cụ thể đối với từng lần vay như sau:

- Vào ngày 14/5/2017 (âm lịch) vay của bà V 75.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 tháng sau khi vay (tức ngày 14/6/2017 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

- Vào ngày 14/5/2017 (âm lịch) vay của bà V 100.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 năm sau khi vay (tức ngày 14/5/2018 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

- Vào ngày 02/4/2018 (âm lịch) vay của bà V 500.000.000 đồng, hai bên thoả thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 tháng sau khi vay (tức ngày 02/5/2018 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

- Vào ngày 02/4/2018 (âm lịch) vay của bà V 210.000.000 đồng, hai bên thoả thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng, hạn thời gian trả nợ là 01 tháng sau khi vay (tức ngày 02/5/2018 (âm lịch) bà L sẽ phải trả cho bà V số nợ gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận.

Việc vay mượn những số tiền trên là giữa bà V và bà L, ông Vũ Văn H (chồng bà L) không ký vào các giấy vay tiền mà do bà L ký thay ông H.

Nhưng vì quá hạn trả nợ đã lâu, ông H và bà L không trả cho bà V số tiền trên, hiện nay bà L đã bỏ đi khỏi địa phương, không báo cho bà V biết là ông H và bà L đã đi đâu, có dấu hiệu trốn tránh việc trả nợ cho bà V. Mặc dù, các khoản vay này ông H không ký vào giấy vay tiền nhưng việc vay mượn tiền giữa bà V và bà L, bà L có thông qua ông H và ký thay ông H vào giấy vay nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà L phải trả cho bà V số tiền là 1.196.000.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 885.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 311.000.000 đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị L đã vắng mặt tại nơi cư trú. Để đảm quyền, lợi ích của các bên đương sự và theo đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn bà Trần Thị L trong 04 giấy nhận nợ ngày 14/5/2017 (âm lịch) và ngày 02/4/2018 (âm lịch). Trong quá trình thu thập chữ viết, chữ ký của bị đơn, Tòa án thu thập được chữ viết, chữ ký của bà Trần Thị L trong các tài liệu sau: 01 biên bản hoà giải ngày 08/8/2018 tại trụ sở UBND xã EaPál, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk và đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn bà Trần Thị L.

Tại kết luận giám định số 1655/KLGD-PC09 ngày 07/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị lý dưới mục “người vay” trong tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị Lý dưới mục “các bên tranh chấp” trên tài liệu cần giám định là do cùng một người ký và viết ra.

[5] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Xác định bà Trần Thị L có chữ ký, chữ viết xác nhận trong 04 giấy nhận nợ ngày 14/5/2017 (âm lịch) và ngày 02/4/2018 (âm lịch), có nhận nợ bà Trần Thị V 885.000.000 đồng là thực tế. HĐXX cần buộc bà Trần Thị L trả cho bà Trần Thị V số tiền 1.196.000.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 885.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 311.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu của bà Trần Thị V yêu cầu buộc ông Vũ Văn H phải cùng bà Trần Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà V số nợ trên, HĐXX nhận thấy như sau: Trong các lần nhận nợ với tổng số tiền 885.000.000 đồng, bà V thừa nhận chỉ có và Lý là người ký vào giấy nhận nợ, ông H không ký vào giấy nhận nợ, chữ ký, chữ viết Vũ Văn Hiền trong các giấy nhận nợ là do bà L trực tiếp viết và ký, không phải ông H. Tại bản tự khai ngày 04/6/2021 tại Toà án nhân dân huyện EaKar, ông Vũ Văn H cho rằng không biết việc bà L vay của bà V số tiền này, không biết bà L vay về sử dụng vào mục đích gì, vì bà L không sử dụng số tiền vay này vào mục đích gia đình nên ông H không biết, ông H không đồng ý cùng bà L phải trả cho bà V số tiền này. Từ những chứng cứ trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để buộc ông Vũ Văn H cùng bà Trần Thị L phải trả số tiền nợ như bà V yêu cầu. Cần bác một phần yêu cầu của bà Trần Thị V về việc yêu cầu buộc ông Vũ Văn H phải có trách nhiệm cùng bà Trần Thị L phải trả cho bà Trần Thị V số tiền 1.196.000.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 885.000.000 đồng và số tiền lãi 1 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 311.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Đối với chi phí giám định: Bà Trần Thị V có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn bà Trần Thị L, chi phí giám định là 4.860.000 đồng. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà V là có căn cứ nên HĐXX cần buộc bà Trần Thị L phải trả lại cho bà V 4.680.000 đồng tiền chi phí giám định là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị L phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 160; khoản 1 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Trần Thị V số tiền nợ là 1.196.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm chín trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 885.000.000 đồng và tiền lãi là 311.000.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V về việc yêu cầu buộc ông Vũ Văn H phải có trách nhiệm cùng bà Trần Thị L trả cho bà Trần Thị V số tiền 1.196.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm chín trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 885.000.000 đồng và tiền lãi là 311.000.000 đồng.

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Trần Thị V chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.680.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 47.880.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Trần Thị V 25.337.875 đồng, tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0005376 ngày 20/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện EaKar.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a*

*và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**Nguyễn Cường Anh**